

Số: 23/2023/QĐST- HNGĐ

T, ngày 22 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu 15, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Viên chức

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc P - Sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A- Chi nhánh huyện T Phú Thọ II.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung D- Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh- Ngân hàng A- Chi nhánh huyện T Phú Thọ II.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 59, 60; điểm d khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr và anh Nguyễn Ngọc P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Không có.

* Về tài sản chung: Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr được sử dụng thửa đất số 586, tờ bản đồ số 30, diện tích 173,5m² (trong đó có 100m² đất ở và 73,5m² đất trồng cây lâu năm) tại khu 15 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CE 290xxx, ngày 13/01/2017 cho bà Nguyễn Nữ Cẩm Tr và ông Nguyễn Ngọc P. Chị Tr được sở hữu tài sản trên đất là 01 nhà xây mái bằng, lợp ngói, nền lát gạch hoa, công trình phụ khép kín.

Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Ngọc P 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) chênh lệch tài sản. Chị Tr đã giao và anh P đã nhận đủ tiền ngày 07/11/2022.

* Về trả nợ chung: Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A- Chi nhánh huyện T Phú Thọ II hai khoản nợ sau:

- Khoản nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2711- LAV- 202104xxx, ngày 17/12/2021.

- Khoản nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2711-LAV- 202204xxx ngày 20/12/2022.

Khi chị Tr trả xong nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho chị Tr Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 290xxx, do UBND huyện T cấp ngày 13/01/2017.

* Về tài sản riêng, nghĩa vụ trả nợ riêng:

- Về tài sản riêng: Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr có quyền sở hữu, quyết định đối với cổ phần, vốn góp và toàn bộ lợi nhuận kinh doanh (nếu có) tại Công ty cổ phần thương mại và du lịch SHP Việt Nam, mã số thuế : 0105590xxx, đăng ký lần đầu ngày 26/10/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/9/2022 (Công ty do chị Tr là Chủ tịch Hội đồng quản trị).

- Về nghĩa vụ trả nợ riêng:

+ Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện T Phú Thọ II khoản nợ gốc 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng thấu chi số 2711-LAV202300xxx ngày 12/01/2023.

+ Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với Công ty cổ phần thương mại và du lịch SHP Việt Nam và nghĩa vụ về tài chính của Công ty cổ phần thương mại và du lịch SHP Việt Nam đối với các tổ chức tính dụng có liên quan (nếu có).

* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Nữ Cẩm Tr tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2020/0003637, ngày 30/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị Tr 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều: 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục Thi hành án DS huyện T;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Minh Hòa

